

Số: 4402 /LĐTBXH – BĐG

V/v Cung cấp thông tin cho Hội nghị cấp cao
Pháp ngữ 15

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2014

Kính gửi: Bộ Ngoại giao (Vụ Các Tổ chức Quốc tế)

Trả lời công văn số 3723/BĐG-TCQT ngày 22/10/2014 của Bộ Ngoại giao về việc chuẩn bị nội dung phục vụ Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan tham dự Hội nghị cấp cao Pháp ngữ 15, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trân trọng gửi tới một số nội dung về công tác bình đẳng giới và các kiến nghị về chính sách bình đẳng giới như sau:

I. Những tiến bộ nổi bật trong thực hiện công tác bình đẳng giới:

1. Hoàn thiện khung luật pháp, chính sách về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ:

Luật Bình đẳng giới được thông qua năm 2006 và có hiệu lực thi hành năm 2007 đã thể chế hoá quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nam và nữ; đồng thời tiếp tục khẳng định quyết tâm mạnh mẽ của Việt Nam trong việc thực hiện các Điều ước quốc tế về quyền con người và bình đẳng giới mà Việt Nam là thành viên. Luật Bình đẳng giới ra đời được dư luận trong nước và quốc tế đánh giá rất cao; được coi là một kết quả lớn của chính sách xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Theo đó, nguyên tắc tiếp cận quyền con người và bình đẳng giới (BĐG) được lồng ghép trong xây dựng và sửa đổi các đạo luật khác. Chính phủ chỉ đạo các bộ ngành liên quan xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Nghị định, Chiến lược, Chương trình, Thông tư có liên quan tới BĐG nhằm thực hiện Luật Bình đẳng giới và Luật phòng, chống bạo lực gia đình... ví dụ: Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015 (lần đầu tiên Chính phủ cam kết bố trí kinh phí 955 tỷ đồng cho hoạt động BĐG), Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, Kế hoạch Phát triển Kinh tế-Xã hội giai đoạn 2011-2015...

2. Củng cố bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới: Bộ máy quốc gia về bình đẳng giới đã được thành lập và từng bước kiện toàn, đến nay đã đi vào hoạt động nề nếp. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước bình đẳng giới trên phạm vi toàn quốc; 13/63 tỉnh thành phố lập Phòng bình đẳng giới tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và còn lại bố trí cán bộ đầu mối làm công tác bình đẳng giới ở phòng nghiệp vụ Sở; Kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức liên ngành vì sự tiến bộ của phụ nữ (VSTBPN của Chính phủ thực hiện chức năng nghiên cứu, phối hợp giải quyết những vấn đề liên ngành liên quan đến sự tiến bộ của phụ nữ trong phạm vi cả nước. Việc thiết lập và duy trì tổ chức bộ máy về bình đẳng giới và vì sự tiến

bộ phụ nữ đã góp phần đảm bảo nguồn nhân lực để thực hiện các chủ trương, chính sách cũng như cam kết thực hiện bình đẳng giới và quyền của phụ nữ của quốc gia.

3. Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào công tác lãnh đạo và quản lý:

Việc tăng cường hoàn thiện các văn bản pháp luật và chính sách; Thiết kế, triển khai các chương trình, dự án và mô hình; sự chỉ đạo chặt chẽ của lãnh đạo trung ương và các địa phương về tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào công tác lãnh đạo và quản lý đã cho thấy sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực này có chiều hướng tăng lên về cả mặt số lượng và chất lượng. Việt Nam luôn có Phó Chủ tịch nước là nữ. Hiện nay có 2 phụ nữ tham gia Bộ chính trị (đạt 12,5% năm 2013, tăng 6 % với năm 2011 và 1 phụ nữ tham gia Ban bí thư trung ương Đảng cộng sản Việt Nam. Số lượng nữ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp chiếm khoảng 1/4 tổng số đại biểu. Giai đoạn 2007-2011, tỷ lệ đại biểu Quốc hội nữ là 25,8%, giai đoạn 2011-2016 tỷ lệ này giảm xuống còn 24,4% nhưng Việt Nam vẫn là một trong năm quốc gia đang phát triển ở Châu Á có tỷ lệ nữ đại diện trong Quốc hội cao nhất. Tỷ lệ nữ đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chủ chốt ở hơn 50% Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

4. Bình đẳng giới trong giáo dục và đào tạo:

Bình đẳng giới trong giáo dục và đào tạo nhận được sự quan tâm lớn của các cấp chính quyền và toàn xã hội thông qua việc triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020, Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020, Kế hoạch hành động về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015 của ngành giáo dục, Đề án Phát triển giáo dục đối với các dân tộc ít người giai đoạn 2010-2015, v.v.. Tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp tiểu học của nam là 98% và nữ là 97,7%; ở cấp trung học tỷ lệ này là 78,3% đối với nam và 83,9% đối với nữ. Tỷ lệ nữ có bằng cao đẳng và đại học của nữ cũng tăng lên và gần đuổi kịp tỷ lệ của nam giới.

Nhận xét chung: Những thành tựu nêu trên được coi là quan trọng và nổi bật vì đây là cơ sở nền tảng cơ bản cho việc đạt kết quả bình đẳng giới của các lĩnh vực khác: Việc hoàn thiện luật pháp, chính sách nhằm đảm bảo bình đẳng giới đã và đang tạo ra những hành lang pháp lý cho các hoạt động vì sự nghiệp bình đẳng giới, góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân về vấn đề này; Phát triển và duy trì bộ máy bình đẳng giới giúp cho công tác phối hợp hoạt động của các ban, ngành và địa phương hiệu quả và bền vững hơn; Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong tham chính là yếu tố quan trọng bảo đảm quyền lực thực sự của phụ nữ; Bảo đảm bình đẳng giới trong giáo dục và đào tạo là cơ sở vững chắc cho việc nâng cao trình độ của phụ nữ, giúp họ thực hiện được quyền năng của mình trong tất cả các lĩnh vực khác của cuộc sống.

II. Khó khăn và thách thức:

- Nhận thức trong xã hội về bình đẳng giới và quyền con người của phụ nữ còn hạn chế. Bất bình đẳng giới đối với phụ nữ vẫn tồn tại: tình trạng bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái; tâm lý trọng nam khinh nữ; khoảng cách giới trong thu nhập chưa được cải thiện; ở một số vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, phụ nữ còn bị ràng buộc bởi phong tục tập quán gây bất lợi cho bình đẳng giới thực chất.

- Luật Bình đẳng giới mang tính chất luật khung nên việc triển khai thực hiện các nội dung cụ thể đang gặp phải nhiều khó khăn; thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật còn nhiều khó khăn.

- Việc hoạch định chính sách về bình đẳng giới chưa nhận được sự hỗ trợ hiệu quả của các nghiên cứu sâu của khoa học và thực tiễn. Thống kê số liệu tách biệt giới còn chưa đầy đủ, gây trở ngại cho việc xây dựng, thực hiện chính sách, chương trình can thiệp đáp ứng nhu cầu giới; Chưa có điều tra quốc gia toàn diện và thường kỳ về bình đẳng giới trong các lĩnh vực trọng điểm như lao động-việc làm, giáo dục, chăm sóc sức khỏe.

- Bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới mới được thành lập, còn hạn chế về nhân lực và nguồn lực triển khai hoạt động.

- Việt Nam là một trong năm nước trên thế giới bị ảnh hưởng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tác động tiêu cực đến cuộc sống của cả nam giới và phụ nữ, trong đó nhóm dễ bị tổn thương là phụ nữ và trẻ em, người già, người dân tộc thiểu số.

III. Ưu tiên quốc gia về thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ:

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp về bình đẳng giới;
- Kiện toàn hệ thống tổ chức và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và VSTBPN;
- Xây dựng và phát triển các dịch vụ thúc đẩy bình đẳng giới;
- Hoàn thiện cơ chế thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong tham chính;
- Xây dựng ngân hàng dữ liệu có tách biệt giới;
- Tăng cường thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc tế về bình đẳng giới và VSTBPN, mạng lưới cơ chế quốc tế về bình đẳng giới trong khu vực và toàn cầu

IV. Hoạt động hợp tác quốc tế về bình đẳng giới

Việt Nam tham gia có hiệu quả và đóng góp tích cực trên các diễn đàn quốc tế. Cụ thể là đã tham gia định kỳ Hội nghị Thượng đỉnh Phụ nữ Toàn cầu; Hội nghị và Đối thoại cấp cao về Phụ nữ và phát triển kinh tế trong APEC; Khóa họp Ủy ban địa vị Phụ nữ Liên Hợp quốc tại New York, Mỹ; tham dự các cuộc họp của Ủy ban Phụ nữ ASEAN...

Duy trì quan hệ hợp tác với các cơ quan, tổ chức quốc tế như: UNWomen, UNFPA, UNDP, UNHCR, ILO... và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác mới như: Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc, Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Hòa bình và Phát triển Tây Ban Nha...

Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào quá trình xây dựng các định hướng chiến lược thu hút, sử dụng nguồn vốn ODA. Bình đẳng giới, nâng cao vị thế cho phụ nữ và đảm bảo quyền cho trẻ em gái

là một tiêu chí trong nhóm các mục tiêu phát triển về xã hội và giảm nghèo của Hệ thống tiêu chí sử dụng để ưu tiên, lựa chọn các địa phương được sử dụng nguồn vốn ODA, khi nguồn vốn này hiện đang còn hạn chế. Trong giai đoạn 2011-2015, bình đẳng giới vẫn được tiếp tục khẳng định là nội dung được ưu tiên trong Định hướng thu hút và sử dụng nguồn vốn ODA và vay vốn ưu đãi thời kỳ 2011 – 2015. Bình đẳng giới đã nhận được sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế về kỹ thuật, nguồn lực như: hợp tác giữa Chính phủ và Liên hợp quốc về bình đẳng giới (Dự án Chương trình chung về bình đẳng giới: 4.4 triệu USD), hợp tác giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan của Chính phủ, Quốc hội với UNWomen (trước đây là Unifem); giữa Bộ Ngoại giao với UNDP; bên cạnh đó các hoạt động song phương cũng được tăng cường, như hợp tác giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Hàn Quốc, giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và NaUy, giữa Liên Hợp quốc và Bộ Tư pháp.

V. Kiến nghị phát biểu của Đoàn

Đề nghị trong phát biểu tập trung nêu bật những thành tựu về khuôn khổ chính sách, pháp luật và kết quả nổi bật trong thực hiện bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ của Việt Nam; kiến nghị về sự hợp tác trong lĩnh vực này của khối các nước dùng tiếng Pháp.

Trên đây là một số thông tin về đánh giá tình hình thực hiện công tác bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ tại Việt Nam để các đồng chí tham khảo, tổng hợp chuẩn bị cho Cuộc họp cấp cao khối Pháp ngữ.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các đồng chí./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, Vụ BDG.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ BÌNH ĐẲNG GIỚI



Phạm Ngọc Tiến